

# CPAVIETNAM

Qualified Services  
with Global  
Understanding and Vision



Local Expertise  
International Presence



**Head Office in Hanoi:** 8<sup>th</sup> floor, VG Building,  
No. 235 Nguyen Trai Str., Khuong Dinh Ward, Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121  
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn  
www.cpvietnam.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp (Nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 là: 30.507.810.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ, năm trăm linh bảy triệu, tám trăm mười nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã cổ phiếu: ACE.

Trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên
Ông Lê Duy Cừ	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Gằn Em	Thành viên
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên
Ông Trần Vương Đức	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Duy Cừ	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Gằn Em	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Đ.N:  
CÔ  
T  
KIỂM  
PAV  
Ờ H

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *La*



**Lê Duy Cửu**

**Giám đốc**

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026

010  
4G7  
1HI  
TO  
IETI  
NỘ

Số: 80/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang, được lập ngày 09/3/2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026

---

**Lưu Minh Tới****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>138.406.403.063</b>	<b>163.169.839.030</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>20.757.424.092</b>	<b>39.622.430.115</b>
1. Tiền	111		20.757.424.092	39.622.430.115
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>108.000.000</b>	<b>108.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	584.000.000	584.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(476.000.000)	(476.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63.640.471.419</b>	<b>68.910.053.838</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	74.888.537.050	88.652.078.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.635.100.244	2.328.516.359
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	782.702.594	658.607.387
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(14.665.868.469)	(22.729.148.076)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>53.652.915.470</b>	<b>54.048.169.831</b>
1. Hàng tồn kho	141		53.652.915.470	54.048.169.831
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>247.592.082</b>	<b>481.185.246</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	247.592.082	481.185.246
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>23.240.355.798</b>	<b>21.750.435.125</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.928.648.747</b>	<b>15.410.975.347</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	15.873.844.092	14.356.170.692
- Nguyên giá	222		139.956.899.694	132.962.276.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.083.055.602)	(118.606.105.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.054.804.655	1.054.804.655
- Nguyên giá	228		2.447.373.655	2.447.373.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.392.569.000)	(1.392.569.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.900.000.000</b>	<b>3.900.000.000</b>
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	3.900.000.000	3.900.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.411.707.051</b>	<b>2.439.459.778</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.411.707.051	2.138.693.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	300.765.855
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>161.646.758.861</b>	<b>184.920.274.155</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>87.916.432.859</b>	<b>113.343.514.216</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>86.860.605.859</b>	<b>110.511.687.216</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	16.696.194.812	22.478.473.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.708.767.918	10.185.883.683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.515.411.885	3.858.044.500
4. Phải trả người lao động	314		10.074.346.584	11.323.812.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		73.500.000	70.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	899.152.991	839.204.414
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	43.435.245.177	50.650.989.683
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	10.287.348.411	10.936.798.718
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		170.638.081	168.480.581
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.055.827.000</b>	<b>2.831.827.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	1.055.827.000	2.831.827.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>73.730.326.002</b>	<b>71.576.759.939</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>73.730.326.002</b>	<b>71.576.759.939</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.507.810.000	30.507.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.507.810.000	30.507.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.908.000	135.908.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.758.769.220	22.758.769.220
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.327.838.782	18.174.272.719
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		3.146.539.219	2.907.111.661
- LNST chưa phân phối kì này	421b		17.181.299.563	15.267.161.058
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>161.646.758.861</b>	<b>184.920.274.155</b>

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ



Lê Duy Cửu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	359.975.345.140	305.779.182.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>359.975.345.140</b>	<b>305.779.182.400</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	297.736.652.872	252.368.920.985
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>62.238.692.268</b>	<b>53.410.261.415</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	608.067.531	558.745.803
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.964.538.634	3.653.668.089
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.951.758.296	3.614.836.943
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	11.518.414.211	7.224.799.242
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	27.271.604.085	24.219.551.094
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>21.092.202.869</b>	<b>18.870.988.793</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	495.647.771	414.051.188
12. Chi phí khác	32	6.6	214.001.187	241.778.782
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>281.646.584</b>	<b>172.272.406</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>21.373.849.453</b>	<b>19.043.261.199</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.891.784.035	4.076.865.996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		300.765.855	(300.765.855)
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>17.181.299.563</b>	<b>15.267.161.058</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	5.632	3.578

Người lập

Kế toán trưởng

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026  
 Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu

N: CÔ TI LÊN AV  
 H:

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.373.849.453	19.043.261.199
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		5.476.949.864	5.187.809.223
- Các khoản dự phòng	03		(63.303.964)	1.621.096.559
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(385.686)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(522.612.147)	(400.506.516)
- Chi phí lãi vay	06		2.951.758.296	3.614.836.943
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		29.216.255.816	29.066.497.408
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.683.436.076	9.114.066.211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		395.254.361	2.833.352.987
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.635.698.397)	8.167.454.295
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39.419.964)	340.662.285
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.951.758.296)	(3.614.836.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.076.865.996)	(3.933.084.149)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		134.567.500	133.157.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18		(4.452.410.000)	(4.601.120.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.273.361.100	37.506.149.113
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.994.623.264)	(9.866.055.477)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		522.612.147	400.506.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.472.011.117)	(9.465.548.961)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		259.964.884.392	209.894.406.571
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(268.956.628.898)	(198.870.312.982)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.674.611.500)	(10.674.611.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.666.356.006)	349.482.089
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(18.865.006.023)	28.390.082.241
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		39.622.430.115	11.232.347.874
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	20.757.424.092	39.622.430.115

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026  
 Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng






Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp (Nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 là: 30.507.810.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ, năm trăm linh bảy triệu, tám trăm mười nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã cổ phiếu: ACE.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 358 người (tại ngày 31/12/2024 là 332 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 110KV, điện dân dụng và công nghiệp; Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, công cộng, cơ sở hạ tầng, thủy lợi và dân dụng; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị chuyên dùng sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, kết cấu thép, sản phẩm phi tiêu chuẩn); Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư và thiết bị kỹ thuật; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Tư vấn đầu tư, xây dựng; Chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp. Thiết kế sản phẩm bê tông ly tâm ứng lực trước, sản phẩm cầu kiện bê tông đúc sẵn của công ty; Nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản (tuân thủ các qui định pháp luật về đất đai môi trường, xây dựng và những văn bản khác có liên quan trước khi tiến hành sản xuất, chế biến); Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn).

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp, cung cấp sản phẩm bê tông cho các công trình dân dụng và công nghiệp của Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, đơn đặt hàng, dự án mà Công ty thực hiện.

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

197  
TY  
H  
ÁN  
NAI

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	02 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Tài sản vô hình là các Quyền sử dụng đất sau:

Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 308 tờ bản đồ số 20, đường Trần Quang Khải, Khóm Trung An, phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 45 tờ bản đồ số 25, phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 26, phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến tháng 01/2051.

Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến ngày 30/12/2066.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

**Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong thời gian 24 tháng.

**Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước 01 lần cho cả thời gian thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

NI  
ÔN  
TN  
EM  
VI  
YA

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

07C  
IG  
HI  
TO  
ET  
NỘI

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng trong năm, Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	289.795.278	266.973.315
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.467.628.814	39.355.456.800
<b>Tổng</b>	<b>20.757.424.092</b>	<b>39.622.430.115</b>

10/11/2025  
TY  
4  
AN  
IAA  
7.11

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**

Quốc lộ 91, khóm An Thới,  
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

Đối tượng	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện Bạc Liêu	1.000	108.000.000	(i)	-	1.000	108.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	47.600	476.000.000	(i)	(476.000.000)	47.600	476.000.000	(i)	(476.000.000)
<b>Tổng</b>		<b>584.000.000</b>		<b>(476.000.000)</b>		<b>584.000.000</b>		<b>(476.000.000)</b>

**b. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết**

Đối tượng	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	3.900.000.000	(i)	-	3.900.000.000	(i)	-
<b>Tổng</b>	<b>3.900.000.000</b>		<b>-</b>	<b>3.900.000.000</b>		<b>-</b>

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Điện Bạc Liêu	25.197.264.785	13.144.304.585
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Điện Minh Sang	8.989.745.641	16.258.845.401
Phải thu các đối tượng khác	40.701.526.624	59.248.928.182
<b>Tổng</b>	<b>74.888.537.050</b>	<b>88.652.078.168</b>
<i>Trong đó, Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>5.092.501.200</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>		

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thế chấp số dư nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hangzhou Novoland Imp. And Exp. Co., Ltd	1.453.321.001	-
Công ty TNHH Thép Quốc Thanh	-	1.290.051.000
Các đối tượng khác	1.181.779.243	1.038.465.359
<b>Tổng</b>	<b>2.635.100.244</b>	<b>2.328.516.359</b>

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Phải thu người lao động	758.702.594	-	634.607.387	-
- Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	24.000.000	-	24.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>782.702.594</b>	<b>-</b>	<b>658.607.387</b>	<b>-</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.960.870.717	-	26.131.941.953	-
Công cụ, dụng cụ	297.066.509	-	303.008.406	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.591.875	-	770.245.113	-
Thành phẩm	35.384.386.369	-	26.842.974.359	-
<b>Tổng</b>	<b>53.652.915.470</b>	<b>-</b>	<b>54.048.169.831</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thế chấp số dư hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**Quốc lộ 91, khóm An Thới,  
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7 Nợ xấu**

Đối tượng	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>25.988.921.112</b>	<b>(14.665.868.469)</b>	<b>11.323.052.643</b>		<b>35.272.436.236</b>	<b>(22.575.148.076)</b>	<b>12.651.088.160</b>
Nhóm khách hàng xoá nợ trong năm (i)		-	-	-	Trên 03 năm	8.495.425.950	(8.495.425.950)	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 939	Từ 06 tháng - Trên 03 năm	4.755.704.740	(2.971.928.680)	1.783.776.060	Dưới 03 năm	3.448.700.540	(2.083.813.418)	1.364.887.122
Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Miền Nam	Trên 03 năm	3.218.053.800	(3.218.053.800)	-	Trên 01 năm	3.218.053.800	(2.620.817.000)	597.236.800
Các đối tượng còn lại	Từ 06 tháng - Trên 03 năm	18.015.162.572	(8.475.885.989)	9.539.276.583	Từ 06 tháng - Trên 03 năm	20.110.255.946	(9.375.091.708)	10.688.964.238
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>154.000.000</b>	<b>(154.000.000)</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Xây dựng Hồng Đăng (i)		-	-	-	Trên 03 năm	154.000.000	(154.000.000)	-
<b>Tổng</b>		<b>25.988.921.112</b>	<b>(14.665.868.469)</b>	<b>11.323.052.643</b>		<b>35.426.436.236</b>	<b>(22.729.148.076)</b>	<b>12.651.088.160</b>

- (i) Trong năm, Công ty đã thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc xử lý xoá nợ một số đối tượng công nợ phải thu đã không còn khả năng thu hồi và trích lập dự phòng 100%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**Quốc lộ 91, khóm An Thới,  
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2025	43.561.059.441	45.513.290.971	23.170.360.501	610.737.340	20.106.828.177	132.962.276.430
Tăng trong năm	543.253.704	2.725.510.456	3.338.965.685	-	386.893.419	6.994.623.264
Mua, gia công trong năm	-	2.725.510.456	3.338.965.685	-	386.893.419	6.451.369.560
Đầu tư XDCB hoàn thành	543.253.704	-	-	-	-	543.253.704
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>44.104.313.145</b>	<b>48.238.801.427</b>	<b>26.509.326.186</b>	<b>610.737.340</b>	<b>20.493.721.596</b>	<b>139.956.899.694</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2025	39.864.762.921	38.466.310.716	20.526.189.866	590.681.808	19.158.160.427	118.606.105.738
Tăng trong năm	1.042.409.082	2.187.875.992	1.372.422.889	12.666.672	861.575.229	5.476.949.864
Khấu hao trong năm	1.042.409.082	2.187.875.992	1.372.422.889	12.666.672	861.575.229	5.476.949.864
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>40.907.172.003</b>	<b>40.654.186.708</b>	<b>21.898.612.755</b>	<b>603.348.480</b>	<b>20.019.735.656</b>	<b>124.083.055.602</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2025	3.696.296.520	7.046.980.255	2.644.170.635	20.055.532	948.667.750	14.356.170.692
Tại ngày 31/12/2025	3.197.141.142	7.584.614.719	4.610.713.431	7.388.860	473.985.940	15.873.844.092

Trong đó:

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 5.027.299.342 VND (tại ngày 01/01/2025 là 960.365.948 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2025 là 1.864.180.162 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.025.246.682 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá tại ngày 31/12/2025 là 108.384.271.882 VND (tại ngày 01/01/2025 là 102.697.161.916 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.447.373.655	2.447.373.655
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>2.447.373.655</u>	<u>2.447.373.655</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.392.569.000	1.392.569.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>1.392.569.000</u>	<u>1.392.569.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2025	<u>1.054.804.655</u>	<u>1.054.804.655</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>1.054.804.655</u>	<u>1.054.804.655</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.392.569.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.392.569.000 VND).

Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 1.054.804.655 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.054.804.655 VND).

**5.10 Chi phí trả trước**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<u>247.592.082</u>	<u>481.185.246</u>
Chi phí sửa chữa, cải tạo	247.592.082	385.301.985
Chi phí trả trước khác	-	95.883.261
<b>Dài hạn</b>	<u>2.411.707.051</u>	<u>2.138.693.923</u>
Chi phí thuê đất (i)	1.473.527.700	1.509.394.500
Chi phí sửa chữa, cải tạo	938.179.351	629.299.423
<b>Tổng</b>	<u>2.659.299.133</u>	<u>2.619.879.169</u>

(i) Chi phí thuê đất là tiền thuê đất trả tiền 01 lần cho cả thời hạn thuê, vị trí tại phường Bình Đức, tỉnh An Giang, diện tích khu đất 1.234 m<sup>2</sup> với nguyên giá là 1.793.340.000 VND, Công ty phân bổ tương ứng với thời gian thuê là 50 năm kể từ thời điểm tháng 02 năm 2017.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 1.473.527.700 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.509.394.500 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Đức Hùng Long Xuyên	5.466.903.629	5.466.903.629	5.017.444.407	5.017.444.407
Công ty CP Vật tư Xây dựng Minh Hà	2.025.328.584	2.025.328.584	4.013.735.189	4.013.735.189
Công ty TNHH Năng lượng Châu Âu	-	-	217.960.931	217.960.931
DNTN Đức Hùng Long Xuyên	1.174.258.470	1.174.258.470	1.516.730.325	1.516.730.325
Các đối tượng còn lại	8.029.704.129	8.029.704.129	11.712.602.565	11.712.602.565
<b>Tổng</b>	<b>16.696.194.812</b>	<b>16.696.194.812</b>	<b>22.478.473.417</b>	<b>22.478.473.417</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình An	1.476.379.008	-
Công ty CP Bê tông Ly tâm Nha Trang	272.933.209	372.933.209
Công ty TNHH Điện - Điện lạnh Hưng Lộc	-	5.718.571.240
Công ty TNHH Xây lắp điện Hiệp Lực	-	1.242.208.000
Các đối tượng khác	959.455.701	2.852.171.234
<b>Tổng</b>	<b>2.708.767.918</b>	<b>10.185.883.683</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>3.858.044.500</b>	<b>15.686.462.610</b>	<b>17.029.095.225</b>	<b>2.515.411.885</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.559.134.528	5.512.780.748	6.866.518.349	205.396.927
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	5.017.905.274	5.017.905.274	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.076.865.996	3.891.784.035	4.076.865.996	1.891.784.035
Thuế thu nhập cá nhân	221.880.404	944.721.948	748.532.529	418.069.823
Thuế tài nguyên	163.572	2.346.750	2.349.222	161.100
Tiền thuê đất	-	296.752.442	296.752.442	-
Các loại thuế khác	-	20.171.413	20.171.413	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	691.403.978	634.887.798
Các khoản phải trả, phải nộp khác	207.749.013	204.316.616
<b>Tổng</b>	<b>899.152.991</b>	<b>839.204.414</b>

**5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	10.287.348.411	6.219.688.718
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.717.110.000
<b>Tổng</b>	<b>10.287.348.411</b>	<b>10.936.798.718</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**Quốc lộ 91, khóm An Thới,  
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>43.435.245.177</b>	<b>43.435.245.177</b>	<b>260.852.884.392</b>	<b>268.068.628.898</b>	<b>50.650.989.683</b>	<b>50.650.989.683</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>42.547.245.177</i>	<i>42.547.245.177</i>	<i>259.964.884.392</i>	<i>268.068.628.898</i>	<i>50.650.989.683</i>	<i>50.650.989.683</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	31.221.845.030	31.221.845.030	174.064.600.472	178.653.964.668	35.811.209.226	35.811.209.226
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (ii)	11.325.400.147	11.325.400.147	85.900.283.920	89.414.664.230	14.839.780.457	14.839.780.457
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>888.000.000</i>	<i>888.000.000</i>	<i>888.000.000</i>	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iii)	888.000.000	888.000.000	888.000.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>1.055.827.000</b>	<b>1.055.827.000</b>	-	<b>1.776.000.000</b>	<b>2.831.827.000</b>	<b>2.831.827.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iii)	1.055.827.000	1.055.827.000	-	1.776.000.000	2.831.827.000	2.831.827.000
<b>Tổng</b>	<b>44.491.072.177</b>	<b>44.491.072.177</b>	<b>260.852.884.392</b>	<b>269.844.628.898</b>	<b>53.482.816.683</b>	<b>53.482.816.683</b>

**(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang**

Hợp đồng	Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2025/549076/HĐTĐ ngày 06/10/2025 tái ký cho Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2024/549076/HĐTĐ ngày 14/10/2024 ;
Hạn mức vay	59.800.000.000 VND, bao gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi để đáp ứng nhu cầu vay vốn, mở L/C, bảo lãnh;
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn vay	Kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức này, tối đa đến ngày 30/9/2026;
Lãi suất vay	Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, xe ô tô, sà lan, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty;
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	31.221.845.030 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)**

**(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang**

Hợp đồng	Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 144/2025-HĐCVHM/NHCT740-ACECO ngày 22/12/2025 tái ký cho Hợp đồng cho vay hạn mức số 152/2024-HĐCVHM/NHCT740-ACECO ngày 27/11/2024;
Hạn mức vay	35.000.000.000 VND, bao gồm cả vay vốn, mở L/C, bảo lãnh;
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn vay	Kể từ ngày 22/12/2025 đến hết ngày 22/12/2026;
Lãi suất vay	Quy định trên từng Giấy nhận nợ và điều chỉnh 01 tháng một lần;
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty;
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	11.325.400.147 VND.

**(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang**

Hợp đồng	Hợp đồng tín dụng số 02/2023/549076/HĐTD ngày 11/12/2023;
Số tiền vay	4.000.000.000 VND;
Mục đích vay	Lắp đặt trạm trộn bê tông và thiết bị phụ trợ;
Thời hạn vay	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Lãi suất vay	8,5%/ năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tài sản thế chấp là “Trạm trộn bê tông 75m <sup>3</sup> /h và thiết bị phụ trợ”;
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	1.943.827.000 VND. Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là: 888.000.000 VND

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	17.934.845.161	71.337.332.381
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.267.161.058	15.267.161.058
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.350.000.000)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.677.733.500)	(10.677.733.500)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2024</b>	<b>30.507.810.000</b>	<b>135.908.000</b>	<b>22.758.769.220</b>	<b>18.174.272.719</b>	<b>71.576.759.939</b>
Số dư tại ngày 01/01/2025	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	18.174.272.719	71.576.759.939
Lãi trong năm nay	-	-	-	17.181.299.563	17.181.299.563
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(4.350.000.000)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(10.677.733.500)	(10.677.733.500)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>30.507.810.000</b>	<b>135.908.000</b>	<b>22.758.769.220</b>	<b>20.327.838.782</b>	<b>73.730.326.002</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(i) Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết số 19/NQ-ACECO ngày 17/4/2025 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 3.300.000.000 VND.

- Trích Quỹ thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký và Giám đốc là: 1.050.000.000 VND.

- Chia cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 35% trên vốn điều lệ, tương đương số tiền 10.677.733.500 VND.

(\*) Ngày 12/02/2026 Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết số 10/NQ-ACECO-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2025 với tỷ lệ 10%/ vốn điều lệ (01 cổ phiếu nhận được 1.000 đồng), thời gian chi trả cổ tức vào ngày 29/5/2026.

**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	15.465.330.000	15.465.330.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	15.042.480.000	15.042.480.000
<b>Tổng</b>	<b>30.507.810.000</b>	<b>30.507.810.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<b>Vốn góp tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>30.507.810.000</b>	<b>30.507.810.000</b>
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>30.507.810.000</b>	<b>30.507.810.000</b>
- Cổ tức đã chia	<b>10.677.733.500</b>	<b>10.677.733.500</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.050.781	3.050.781
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.050.781	3.050.781
Cổ phiếu phổ thông	3.050.781	3.050.781
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.050.781	3.050.781
Cổ phiếu phổ thông	3.050.781	3.050.781
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.758.769.220	22.758.769.220
<b>Tổng</b>	<b>22.758.769.220</b>	<b>22.758.769.220</b>

D.N:  
 CÔ  
 TI  
 KIỂM  
 PA  
 V  
 S.H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Nợ khó đòi đã xử lý	Số tiền nợ gốc	Số tiền đã thu	Số tiền còn nợ	Số tiền xóa nợ
<b>Năm 2019 (i)</b>	<b>8.390.033.349</b>	<b>3.335.447.967</b>	<b>5.054.585.382</b>	<b>5.054.585.382</b>
Công ty TNHH Phước Thạnh	3.295.933.349	264.805.100	3.031.128.249	3.031.128.249
Công ty TNHH XD Công trình Hải Thiên	1.697.520.000	1.453.827.600	243.692.400	243.692.400
Công ty Cổ phần DELTA AGF	1.381.380.000	930.506.867	450.873.133	450.873.133
Công ty TNHH Kỹ thuật điện tử CETECH	1.061.060.000	300.000.000	761.060.000	761.060.000
Công ty TNHH Hưng Minh	954.140.000	386.308.400	567.831.600	567.831.600
<b>Năm 2025 (ii)</b>	<b>11.697.305.450</b>	<b>3.047.879.500</b>	<b>8.649.425.950</b>	<b>8.649.425.950</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc	5.781.897.000	1.308.432.400	4.473.464.600	4.473.464.600
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Nguyễn	2.875.675.000	1.139.447.100	1.736.227.900	1.736.227.900
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Lợi	2.228.946.500	600.000.000	1.628.946.500	1.628.946.500
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	656.786.950	-	656.786.950	656.786.950
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị XD Hồng Đăng	154.000.000	-	154.000.000	154.000.000

- (i) Các đối tượng công nợ này được xóa sổ từ năm 2019 do xác định không có khả năng thu hồi. Công ty thực hiện xóa nợ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 25/BB-ACECO-HĐQT ngày 04/11/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- (ii) Các đối tượng công nợ này được xóa sổ từ năm 2025 do xác định không có khả năng thu hồi. Công ty thực hiện xóa nợ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-ACECO-HĐQT ngày 20/01/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.975.345.140	305.779.182.400
<b>Tổng</b>	<b>359.975.345.140</b>	<b>305.779.182.400</b>
<i>Trong đó, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan</i>	<i>7.640.446.000</i>	<i>990.602.000</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng bán	297.736.652.872	252.368.920.985
<b>Tổng</b>	<b>297.736.652.872</b>	<b>252.368.920.985</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	15.612.147	10.506.516
Cổ tức, lợi nhuận được chia	507.000.000	390.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.069.698	158.239.287
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	385.686	-
<b>Tổng</b>	<b>608.067.531</b>	<b>558.745.803</b>
<i>Trong đó, doanh thu tài chính với bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>507.000.000</i>	<i>390.000.000</i>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	2.951.758.296	3.614.836.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.780.338	38.831.146
<b>Tổng</b>	<b>2.964.538.634</b>	<b>3.653.668.089</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>11.518.414.211</b>	<b>7.224.799.242</b>
Chi phí nhân viên	2.784.842.636	2.489.744.225
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.461.362.686	2.532.563.939
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.666.672	15.841.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.183.002.269	1.652.293.897
Chi phí bằng tiền khác	1.008.880.255	1.110.511.395
Chi phí/ hoàn nhập bảo hành sản phẩm	4.067.659.693	(576.155.886)
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>27.271.604.085</b>	<b>24.219.551.094</b>
Chi phí nhân viên quản lý	13.486.739.025	10.915.968.416
Chi phí vật liệu quản lý	255.641.437	63.007.285
Chi phí khấu hao TSCĐ	407.745.553	242.112.252
Thuế phí và lệ phí	22.518.163	22.000.105
Chi phí trích lập/ hoàn nhập dự phòng	586.146.343	2.562.442.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.834.881.442	5.903.744.397
Chi phí bằng tiền khác	3.677.932.122	4.510.276.194
<b>Tổng</b>	<b>38.790.018.296</b>	<b>31.444.350.336</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Các khoản khác	495.647.771	414.051.188
<b>Tổng</b>	<b>495.647.771</b>	<b>414.051.188</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	214.001.187	241.778.782
<b>Tổng</b>	<b>214.001.187</b>	<b>241.778.782</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>281.646.584</b>	<b>172.272.406</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.182.682.788	175.414.576.487
Chi phí nhân công	66.347.416.661	54.039.615.764
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.476.949.864	5.187.809.223
Chi phí dự phòng	4.653.806.036	1.986.286.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.540.845.652	16.509.739.583
Chi phí khác bằng tiền	29.683.634.309	22.151.533.392
<b>Tổng</b>	<b>351.885.335.310</b>	<b>275.289.561.008</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>21.373.849.453</b>	<b>19.043.261.199</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>3.799.205.723</b>	<b>5.434.374.504</b>
Thù lao của Hội đồng Quản trị	72.000.000	72.000.000
Chi phí không được trừ	23.900.000	155.239.504
Doanh thu chịu thuế tính trước	-	5.207.135.000
Chi phí của doanh thu đã tính thuế năm trước	3.703.305.723	-
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>(5.714.135.000)</b>	<b>(4.093.305.723)</b>
Thu nhập từ nhận cổ tức	(507.000.000)	(390.000.000)
Doanh thu đã tính thuế năm trước	(5.207.135.000)	-
Chi phí của doanh thu chịu thuế tính trước	-	(3.703.305.723)
Thu nhập từ chi phí không được trừ năm trước	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>19.458.920.176</b>	<b>20.384.329.980</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.891.784.035</b>	<b>4.076.865.996</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.181.299.563	15.267.161.058
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký và Giám đốc (i)	-	(4.350.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.181.299.563	10.917.161.058
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5.632</b>	<b>3.578</b>

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS, Thư ký và Giám đốc. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS, thư ký và Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

(i) **Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:**

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký và Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 19/NQ-ACECO ngày 17/4/2025. Theo đó, Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại như sau:

	<u>Số đã Báo cáo</u>	<u>Số trình bày lại</u>	<u>Chênh lệch</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	15.267.161.058	15.267.161.058	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký và Giám đốc (VND)	-	(4.350.000.000)	(4.350.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.267.161.058	10.917.161.058	(4.350.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5.004</b>	<b>3.578</b>	<b>(1.426)</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

**a. Danh sách các bên liên quan**

<u>STT</u>	<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ
2	Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư Thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Cùng Công ty mẹ
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Cùng Công ty mẹ
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	Cùng Công ty mẹ
6	Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Công ty liên kết
7	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.	Ảnh hưởng đáng kể

**b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.446.616.776	2.993.298.249

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác (Tiếp theo)***Chi tiết như sau:***Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch HĐQT	222.000.000	222.000.000
Ông Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Gân Em	Thành viên HĐQT	148.000.000	148.000.000
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên HĐQT	148.000.000	148.000.000
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên HĐQT	148.000.000	148.000.000
<b>Tổng</b>		<b>714.000.000</b>	<b>714.000.000</b>

**Thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát**

Họ tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban BKS	148.000.000	148.000.000
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên BKS	74.000.000	74.000.000
Ông Trần Vương Đức	Thành viên BKS	74.000.000	74.000.000
<b>Tổng</b>		<b>296.000.000</b>	<b>296.000.000</b>

**Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và Người quản lý khác**

Họ tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Lê Duy Cửu	Giám đốc	1.320.513.776	1.090.036.249
Ông Nguyễn Thanh Gân Em	Phó Giám đốc	584.921.000	465.491.000
Ông Trịnh Tấn Đệ	Kế toán trưởng	531.182.000	427.771.000
<b>Tổng</b>		<b>2.436.616.776</b>	<b>1.983.298.249</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
<b>Giao dịch bán</b>			
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Bán hàng hoá	-	990.602.000
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư Thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Bán hàng hoá, dịch vụ	27.940.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Bán hàng hoá	7.147.310.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Bán hàng hoá, dịch vụ	249.160.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	Bán hàng hoá	216.036.000	-
<b>Tổng</b>		<b>7.640.446.000</b>	<b>990.602.000</b>

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Cổ tức được chia	507.000.000	390.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Chia cổ tức	5.412.865.500	5.412.865.500
<b>Tổng</b>		<b>5.919.865.500</b>	<b>5.802.865.500</b>

**d. Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>31/12/2025 VND</u>	<u>01/01/2025 VND</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	5.092.501.200	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	4.823.408.400	-
	269.092.800	-

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu